Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 26.11.2026 15:17:06 +07:00

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55 /2026/TT-BNNMT	

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp, hợp tác xã) thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ.

2. Thông tư này áp dụng đối với người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường tại địa phương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ thuộc một trong các lĩnh vực thuộc danh mục quy định tại Điều 3 Thông tư này sau khi thôi giữ chức vụ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người có chức vụ, quyền hạn là những người theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Người thôi giữ chức vụ là người có chức vụ, quyền hạn được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu, bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước là những cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15.

4. Các chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 3. Danh mục các lĩnh vực mà người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ

1. Đất đai.

2. Đo đạc và bản đồ.

3. Viễn thám.

4. Quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

5. Biến đổi khí hậu.

6. Môi trường.

7. Khí tượng thủy văn.

8. Tài nguyên nước.

9. Trồng trọt và bảo vệ thực vật.

10. Chăn nuôi và thú y.

11. Thủy lợi.

12. Đê điều và phòng, chống thiên tai.

13. Lâm nghiệp.

14. Thủy sản.

15. Diêm nghiệp.

16. Phát triển nông thôn.

17. Chương trình, dự án, đề án thuộc các lĩnh vực được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và khoản 16 Điều này do người thôi giữ chức vụ khi đang là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt.

Điều 4. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ

1. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã là đủ 24 tháng kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các lĩnh vực quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

2. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã là đủ 12 tháng kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các lĩnh vực quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và khoản 16 Điều 3 Thông tư này.

3. Đối với chương trình, dự án, đề án thuộc các lĩnh vực được quy định tại khoản 17 Điều 3 Thông tư này là thời điểm hoàn thành chương trình, dự án, đề án theo quyết định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp chương trình, dự án, đề án bị đình chỉ, chấm dứt hoặc điều chỉnh tiến độ, việc xác định thời hạn hạn chế thực hiện trên cơ sở hồ sơ pháp lý và quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Người có chức vụ, quyền hạn thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 02/2024/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thôi giữ chức vụ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BNNPTNT.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *08* tháng *01* năm *2027* .

2. Bãi bỏ Thông tư số 02/2024/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường tại địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ trưởng; các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật,
- Lưu: VT, TCCB, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Hiệp